

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 13/04/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB2404	Nguyễn Thị Hoàng	An	02/09/1996	Đà Nẵng	9,33	9,17	Đạt	
2	BKCB2405	Nguyễn Vương Hoàng	Ân	16/09/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	3,33	0,0	Không đạt	
3	BKCB2406	Nguyễn Minh Tuấn	Anh	24/12/1998	Quảng Ngãi	9,33	9,0	Đạt	
4	BKCB2407	Nguyễn Thị Hoài	Anh	26/10/2005	Thanh Hóa	8,33	8,17	Đạt	
5	BKCB2408	Nguyễn Trần Văn	Anh	12/01/2004	Bình Phước	5,67	5,67	Đạt	
6	BKCB2409	Trần Thị Lan	Anh	27/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,17	Đạt	
7	BKCB2410	Viên Ngọc Minh	Anh	10/10/2005	Cần Thơ	9,67	9,17	Đạt	
8	BKCB2411	Huỳnh Quốc	Bảo	28/08/2003	Khánh Hòa	7,0	8,33	Đạt	
9	BKCB2412	Trần Vương Quốc	Bảo	10/10/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	4,33	Không đạt	
10	BKCB2413	Từ Lộc Anh	Bảo	17/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,5	Đạt	
11	BKCB2414	Hoàng Gia Bảo	Châu	04/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
12	BKCB2415	Hoàng Thị	Cơ	10/03/2003	Gia Lai	10,0	9,17	Đạt	
13	BKCB2416	Văn Thành	Công	08/03/1999	Trà Vinh	8,67	8,83	Đạt	
14	BKCB2417	Nguyễn Thị Thu	Cúc	05/07/2005	Đồng Tháp	9,33	8,83	Đạt	
15	BKCB2418	Phan Thế	Dân	17/05/2002	Nghệ An	5,67	9,5	Đạt	
16	BKCB2419	Nguyễn Thúy	Đình	14/02/2003	Vĩnh Long	9,67	7,33	Đạt	
17	BKCB2420	Phạm Hồng	Đức	28/09/1995	Bình Định				Vắng
18	BKCB2421	Bùi Hoàng	Dũng	27/09/2003	Bình Dương	8,33	7,83	Đạt	
19	BKCB2422	Nguyễn Đức	Dũng	13/11/2003	Đắk Lắk	9,0	8,0	Đạt	
20	BKCB2423	Nguyễn Lê Thùy	Dương	03/04/2004	Bình Thuận	9,0	8,0	Đạt	
21	BKCB2424	Nguyễn Trường	Duy	17/12/2003	Bạc Liêu	8,67	9,83	Đạt	
22	BKCB2425	Đỗ Ngô Thúy	Duyên	15/07/2003	Bạc Liêu	8,33	8,0	Đạt	
23	BKCB2426	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	23/05/2003	Bình Định	9,67	8,67	Đạt	
24	BKCB2427	Võ Thùy	Duyên	18/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,83	Đạt	
25	BKCB2428	Nguyễn Thị Hồng	Gám	24/09/1999	Tây Ninh	9,0	6,83	Đạt	
26	BKCB2429	Đinh Tùng	Giang	23/04/1985	Khánh Hòa	10,0	9,5	Đạt	
27	BKCB2430	Lê Huỳnh Hương	Giang	01/07/2003	Đắk Lắk	8,33	7,17	Đạt	
28	BKCB2431	Trần Thụy Linh	Giang	17/12/2005	Ninh Thuận	8,33	7,83	Đạt	
29	BKCB2432	Nguyễn Thị Vũ	Hà	01/02/2001	Trà Vinh	9,0	8,67	Đạt	
30	BKCB2433	Hồ Lữ Gia	Hân	04/12/2002	Tiền Giang	9,33	9,17	Đạt	
31	BKCB2434	Lê Lương Mỹ	Hân	26/04/2005	Vĩnh Long	9,0	7,67	Đạt	
32	BKCB2435	Nguyễn Bích	Hạnh	16/05/2004	Bình Dương	9,33	9,33	Đạt	
33	BKCB2436	Nguyễn Đậu Thanh	Hào	19/10/2005	Bình Phước	10,0	9,17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
34	BKCB2437	Nguyễn Thị Tú	Hào	04/09/2003	Tây Ninh	10,0	9,0	Đạt	
35	BKCB2438	Nguyễn Văn	Hào	01/10/1996	Đắk Lắk	10,0	9,0	Đạt	
36	BKCB2439	Nguyễn Trung	Hậu	27/01/2007	Bình Thuận	6,0	7,33	Đạt	
37	BKCB2440	Huỳnh Minh Phúc	Hiền	07/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	7,17	Đạt	
38	BKCB2441	Lê Thị Thanh	Hiền	31/08/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,83	Đạt	
39	BKCB2442	Lê Thị Thu	Hiếu	05/03/2001	Đắk Lắk	9,0	7,5	Đạt	
40	BKCB2443	Võ Thành	Hiếu	15/10/2002	Bình Định				Vắng
41	BKCB2444	Trương Thị Kiều	Hoanh	22/07/2005	Quảng Ngãi	10,0	9,0	Đạt	
42	BKCB2445	Nguyễn Thị Kiều	Hoanh	18/05/2003	Quảng Ngãi	9,67	6,0	Đạt	
43	BKCB2446	Lê Quốc	Huân	01/10/1989	Lạng Sơn	9,0	9,17	Đạt	
44	BKCB2447	Dương Thị Thu	Hương	17/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	Đạt	
45	BKCB2448	Nguyễn Gia	Huy	25/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	8,17	Đạt	
46	BKCB2449	Phạm Đình	Huy	17/11/2003	Cần Thơ				Vắng
47	BKCB2450	Trương Đan	Huy	19/05/2003	An Giang	9,67	8,0	Đạt	
48	BKCB2451	Nguyễn Trương Vân	Huyền	29/07/2005	Bình Thuận	8,0	6,67	Đạt	
49	BKCB2452	Tăng Chí	Khang	29/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,5	Đạt	
50	BKCB2453	Lê Thị Hồng	Khanh	15/06/2001	Bến Tre	9,0	8,5	Đạt	
51	BKCB2454	Nguyễn Hoàng	Khánh	24/07/2002	An Giang	6,67	5,17	Đạt	
52	BKCB2455	Phạm Lê Hoàng	Khánh	13/12/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,67	6,67	Đạt	
53	BKCB2456	Cao Minh	Khôi	05/03/2004	Khánh Hòa	8,67	9,5	Đạt	
54	BKCB2457	Lê Thị Lam	Kiều	22/10/2003	Long An	7,33	8,33	Đạt	
55	BKCB2458	Nguyễn Thị Hoa	Lài	16/10/2005	Tây Ninh	9,67	8,0	Đạt	
56	BKCB2459	Tạ Văn	Lân	10/07/1990	Nam Định	9,0	8,67	Đạt	
57	BKCB2460	Đỗ Thị Nhã	Linh	27/08/2002	An Giang	8,67	9,5	Đạt	
58	BKCB2461	Sý Chùng	Linh	03/02/2000	Lâm Đồng	9,0	8,17	Đạt	
59	BKCB2462	Phan Trần Tuyết	Loan	10/11/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,33	7,17	Đạt	
60	BKCB2463	Thạch Bưởi	Lộc	06/09/2000	Trà Vinh	9,67	9,67	Đạt	
61	BKCB2464	Trần Thanh	Long	15/09/2002	Khánh Hòa	7,0	9,17	Đạt	
62	BKCB2465	Bùi Thị Ánh	Lượng	16/06/2004	Quảng Ngãi	8,33	8,17	Đạt	
63	BKCB2466	Đoàn Nguyễn Xuân	Mai	10/02/2005	Đồng Nai	9,67	9,83	Đạt	
64	BKCB2467	Biện Ngọc Hà	Mi	14/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
65	BKCB2468	Dương Diễm	Mi	20/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,33	Đạt	
66	BKCB2469	Nguyễn Nhật	Minh	18/04/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,67	Đạt	
67	BKCB2470	Trần Hữu	My	12/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,33	Đạt	
68	BKCB2471	Đào Song	Mỹ	10/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,83	Đạt	
69	BKCB2472	Đoàn Hà Kim	Mỹ	09/10/2001	Bến Tre	9,67	8,83	Đạt	
70	BKCB2473	Nguyễn Đoàn Phi	Mỹ	06/10/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
71	BKCB2474	Trần Trung Hải	Nam	10/05/2003	Phú Yên	8,33	8,67	Đạt	
72	BKCB2475	Trương Thị Ngọc	Nga	18/07/1996	Đắk Lắk				Vắng
73	BKCB2476	Huỳnh Bích	Ngân	21/07/2003	Bạc Liêu	10,0	9,0	Đạt	
74	BKCB2477	Phạm Ánh Kim	Ngân	10/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	5,83	Đạt	
75	BKCB2478	Vũ Thị Kim	Ngân	06/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,17	Đạt	
76	BKCB2479	Võ Loan	Nghi	12/04/2005	Bến Tre	8,0	9,5	Đạt	
77	BKCB2480	Võ Nhật Lam	Nghi	22/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	Đạt	
78	BKCB2481	Thái Bảo	Ngọc	12/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	5,67	Đạt	
79	BKCB2482	Tài Nữ Trung	Nguyên	29/03/2005	Ninh Thuận	9,67	4,33	Không đạt	
80	BKCB2483	Trần Thị	Nhân	24/05/2003	Thanh Hóa	9,33	7,83	Đạt	
81	BKCB2484	Hoàng Ngọc Ý	Nhi	18/11/2005	Thừa Thiên Huế	9,33	9,67	Đạt	
82	BKCB2485	Lê Hà Xuân	Nhi	09/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	5,0	Đạt	
83	BKCB2486	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	14/06/1999	Bình Định	8,33	7,83	Đạt	
84	BKCB2487	Nguyễn Thị Yên	Nhi	04/11/2006	An Giang	9,67	7,5	Đạt	
85	BKCB2488	Võ Thị Thái	Nhi	22/01/2005	Quảng Trị	9,0	7,17	Đạt	
86	BKCB2489	Nguyễn Hùng	Nhơn	30/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,17	Đạt	
87	BKCB2490	Đỗ Thị Ngọc	Như	05/01/2005	Bến Tre	9,67	8,17	Đạt	
88	BKCB2491	Hồ Thị Huỳnh	Như	03/02/2003	An Giang	8,33	6,0	Đạt	
89	BKCB2492	Phạm Ngọc	Như	25/12/2005	Long An	9,0	8,17	Đạt	
90	BKCB2493	Kiều Đăng Minh	Nhựt	10/02/2002	Long An				Vắng
91	BKCB2494	Trần Văn Hoài	Nhựt	17/09/2001	Đồng Tháp				Vắng
92	BKCB2495	Triệu Trung	Ninh	01/01/2004	Bình Phước	10,0	9,0	Đạt	
93	BKCB2496	Nguyễn Thanh	Phú	20/09/1999	Ninh Thuận	7,0	3,33	Không đạt	
94	BKCB2497	Đỗ Hoàng	Phúc	05/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,0	Đạt	
95	BKCB2498	Bùi Bích	Phương	30/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	Đạt	
96	BKCB2499	Bùi Thị Thanh	Phương	19/10/2003	Quảng Ngãi				Vắng
97	BKCB2500	Trần Thị Thu	Phương	14/12/2002	Đồng Nai	9,67	9,67	Đạt	
98	BKCB2501	Thái Thị Bích	Phượng	08/02/2001	Gia Lai	8,0	9,33	Đạt	
99	BKCB2502	Lư Bảo	Quý	26/08/2008	Hậu Giang	5,0	5,67	Đạt	
100	BKCB2503	Châu Thị Yên	Quyên	13/01/1997	Đồng Tháp	9,33	9,33	Đạt	
101	BKCB2504	Ngô Thị Thanh	Quỳnh	08/03/1996	Đắk Lắk	9,0	5,67	Đạt	
102	BKCB2505	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	17/09/2001	Bình Phước	9,0	7,83	Đạt	
103	BKCB2506	Nguyễn Phú	Sang	04/10/1991	An Giang	10,0	9,67	Đạt	
104	BKCB2507	Kră Jăn	Sara	11/07/1998	Lâm Đồng				Vắng
105	BKCB2508	Trần Thị Ngọc	Tâm	04/11/2001	Đồng Nai				Vắng
106	BKCB2509	Nguyễn Việt Kiều	Thanh	01/02/2005	Gia Lai	7,0	3,83	Không đạt	
107	BKCB2510	Phạm Diệu Thanh	Thanh	01/03/2001	Đắk Lắk	8,0	8,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
108	BKCB2511	Lê Thị	Thảo	13/11/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	10,0	10,0	Đạt	
109	BKCB2512	Ngô Thanh	Thảo	18/10/2002	Sóc Trăng	10,0	9,67	Đạt	
110	BKCB2513	Nguyễn Hà Phương	Thảo	26/07/2001	Lâm Đồng	9,0	9,5	Đạt	
111	BKCB2514	Nguyễn Hồ Thanh	Thảo	05/08/2005	Long An	9,67	9,0	Đạt	
112	BKCB2515	Trần Thị Ngọc	Thảo	18/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,83	Đạt	
113	BKCB2516	Trần Nguyễn Thanh	Thiên	30/10/2000	Bình Dương	8,67	9,83	Đạt	
114	BKCB2517	Trần Kim	Thoa	26/03/2005	Sóc Trăng	9,33	9,83	Đạt	
115	BKCB2518	Lê Anh	Thư	17/03/2003	Vĩnh Long	8,0	8,83	Đạt	
116	BKCB2519	Nguyễn Đặng Anh	Thư	13/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	5,67	Đạt	
117	BKCB2520	Nguyễn Lê Anh	Thư	16/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,83	Đạt	
118	BKCB2521	Trần Minh	Thư	10/02/1999	Cần Thơ	9,33	10,0	Đạt	
119	BKCB2522	Trần Thị Hoài	Thương	20/09/2003	Bến Tre	9,0	9,5	Đạt	
120	BKCB2523	Nguyễn Phương	Thúy	02/01/1985	Tây Ninh	7,67	8,0	Đạt	
121	BKCB2524	Lê Thị Thanh	Thúy	17/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,0	Đạt	
122	BKCB2525	Nguyễn Thị Phương	Thùy	15/12/2005	Long An	9,0	7,33	Đạt	
123	BKCB2526	Nguyễn Phước	Tín	15/03/2003	Tiền Giang	9,33	9,83	Đạt	
124	BKCB2527	Lê Nguyễn Quang	Toàn	26/05/2003	Đồng Tháp	7,33	9,5	Đạt	
125	BKCB2528	Phạm Thị Huyền	Trân	18/08/2002	Tây Ninh	10,0	9,83	Đạt	
126	BKCB2529	Phan Thị Quỳnh	Trân	06/09/2004	Kiên Giang	9,0	7,67	Đạt	
127	BKCB2530	Tào Lưu Ngọc	Trân	08/08/2003	Trà Vinh	8,67	8,5	Đạt	
128	BKCB2531	Nguyễn Thị Hoài	Trang	21/09/2003	Bình Phước	9,33	8,5	Đạt	
129	BKCB2532	Vương Thị	Trang	05/07/1982	Nghệ An	9,0	9,17	Đạt	
130	BKCB2533	Huỳnh Ngọc Khánh	Trang	15/10/2005	Ninh Thuận	9,67	9,67	Đạt	
131	BKCB2534	Đào Minh	Trí	19/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,83	Đạt	
132	BKCB2535	Lâm Minh	Trí	11/04/2003	Đồng Tháp	10,0	7,5	Đạt	
133	BKCB2536	Phạm Nguyễn Minh	Trí	13/03/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,17	Đạt	
134	BKCB2537	Lê Thị Tuyết	Trinh	16/08/2005	Quảng Trị	9,67	9,5	Đạt	
135	BKCB2538	Trần Dương Thanh	Trúc	13/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt	
136	BKCB2539	Nguyễn Thanh	Tú	26/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,83	Đạt	
137	BKCB2540	Mai Thị Thanh	Tuyền	17/11/2003	Thanh Hóa	8,33	7,0	Đạt	
138	BKCB2541	Lê Thị Thủy	Uyên	03/06/2005	Đồng Nai	9,33	8,67	Đạt	
139	BKCB2542	Vô Hà Phương	Uyên	17/01/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,67	9,67	Đạt	
140	BKCB2543	Nguyễn Thị Hồng	Vân	05/02/2006	Tây Ninh	8,0	9,33	Đạt	
141	BKCB2544	Nguyễn Thị Tường	Vân	05/02/2006	Tây Ninh	8,0	9,5	Đạt	
142	BKCB2545	Huỳnh Lê	Vi	03/01/1999	Đồng Nai	9,67	9,17	Đạt	
143	BKCB2546	Tạ Văn	Vương	18/05/2008	Thái Bình	3,67	0,0	Không đạt	
144	BKCB2547	Đặng Khả	Vy	27/02/2003	Trà Vinh	7,33	7,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
145	BKCB2548	Huỳnh Phan Phương	Vy	03/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,83	Đạt	
146	BKCB2549	Nguyễn Huỳnh Thanh	Vy	25/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,83	Đạt	
147	BKCB2550	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	22/01/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,33	Đạt	
148	BKCB2551	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	24/01/2005	Bến Tre	8,67	7,17	Đạt	
149	BKCB2552	Lê Nguyễn Mai	Xuân	04/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	4,17	Không đạt	
150	BKCB2553	Nguyễn Thị Thu	Xuân	06/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
151	BKCB2554	Võ Thị Ngọc	Xuyên	20/02/1992	Quảng Ngãi	10,0	9,33	Đạt	
152	BKCB2555	Nguyễn Lê Hoàng	Yến	29/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,67	Đạt	
153	BKCB2556	Võ Lê Ngọc	Yến	06/05/2005	Bến Tre	10,0	9,67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:

153

Số lượng hiện diện:

142

Số thí sinh đạt:

135

Thư ký Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Chủ tịch Hội đồng

Thoại Nam